

Bản án số: 105a/2022/DS-ST

Ngày: 23-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tiến Dũng và ông Nguyễn Khắc Vũ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 23-12-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2022/TLST-DS ngày 28/7/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXX-ST ngày 08/11/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Quang T; địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, vắng mặt; bà Vũ Thị L, có mặt; cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị K; địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 09/9/2010 vợ chồng tôi có cho vợ chồng ông H, bà L vay 02 tấn cà phê nhân xô 15 độ, hạn đến ngày 20/12/2010 vợ chồng ông H và bà L phải trả cho vợ chồng tôi số cà phê trên. Khi vay vợ chồng ông H và bà L đã viết và ký giấy mượn.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ngày 25/01/2011 vợ chồng bà L trả cho vợ chồng tôi được 40.000.000 đồng (giá cà phê nhân xô quy chuẩn 40.000.000 đồng/tấn tại thời điểm trả nợ), tương đương 500kg cà phê nhân xô 15 độ. Như vậy ông H và bà L còn nợ vợ chồng tôi 01 tấn cà phê nhân xô quy chuẩn x 50.000 đồng/tấn = 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, bà L nói cuối năm thanh toán

nhưng từ đó đến nay vợ chồng bà không thanh toán. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu bà L và ông H phải trả cho tôi 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Ông T xác định, quá trình thực hiện hợp đồng vay, ngày 03/01/2011 vợ chồng bà L trả cho vợ chồng ông 20.000.000 đồng (giá cà phê nhân xô quy chuẩn 40.000.000 đồng/tấn tại thời điểm trả nợ), tương đương 500 kg cà phê nhân xô 15 độ. Ngày 25/01/2011 vợ chồng bà L trả cho vợ chồng ông 40.000.000 đồng (giá cà phê nhân xô quy chuẩn 40.000.000 đồng/tấn tại thời điểm trả nợ), tương đương 01 tấn cà phê nhân xô quy chuẩn. Như vậy, hiện nay vợ chồng bà L còn nợ vợ chồng ông 500kg cà phê nhân xô 15 độ. Do đó, ông yêu cầu vợ chồng bà L phải trả cho vợ chồng ông số nợ còn lại 500kg cà phê nhân xô quy chuẩn (15 độ).

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

Bà Vũ Thị L trình bày: Vào ngày 09 tháng 9 năm 2010 vợ chồng tôi vay của ông T và bà L 2 tấn cà phê non, hạn ngày 20/12/2010 vợ chồng tôi phải trả cho vợ chồng ông T số cà phê trên. Đến hạn tôi không trả được nợ, ngày 03/01/2011 vợ chồng tôi trả cho vợ chồng ông T 20.000.000 đồng, tương đương với 500 kg cà phê nhân quy chuẩn. Ngày 25/01/2011 vợ chồng tôi tiếp tục trả cho vợ chồng ông T 40.000.000 đồng, tương đương với 1000 kg cà phê nhân quy chuẩn (15 độ). Hiện nay tôi nợ vợ chồng ông T 500 kg cà phê nhưng là cà phê non. Vì khi cắt cà phê là cắt cà phê non, nhưng do chồng tôi nhầm lẫn ghi là cà phê nhân xô 15 độ. Tuy nhiên tôi không có chứng cứ chứng minh việc tôi xác định vợ chồng tôi cắt cà phê của vợ chồng ông T là cà phê non.

Nay vợ chồng ông T yêu cầu vợ chồng tôi phải trả 500kg cà phê nhân xô quy chuẩn cho vợ chồng ông T, tôi không đồng ý vì vợ chồng tôi chỉ cắt cà phê non chứ không phải cà phê nhân xô 15 độ như ông T đã trình bày ở trên, ngoài ra vợ chồng ông T còn nợ tôi khoảng 20.000.000 đồng tiền thịt các loại, tôi ghi vào sổ ghi nợ của tôi, không có chữ ký của vợ chồng ông T.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các thủ tục tố tụng khác để triệu tập ông Phạm Văn H, là bị đơn đến Tòa án làm việc, nhưng ông Phạm Văn H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Phạm Văn H về những vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến và quan điểm giải quyết vụ án như ông T chồng tôi trình bày, tôi không bổ sung gì thêm.

3. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

3.1 Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn bà Vũ Thị L đã thực

hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông H không đến Tòa án làm việc theo quy định.

3.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473; Điều 474 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 500kg cà phê nhân xô 15 độ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phạm Văn H là bị đơn, đến Tòa án để ông H trình bày bản tự khai hoặc Tòa án lấy lời khai của ông H về những vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án, kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất những vấn đề mâu thuẫn trong việc giải quyết vụ án. Song, ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành làm việc được với ông H theo quy định.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Phạm Văn H, tuy nhiên đây là phiên tòa lần thứ hai, việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử hội ý và quyết định tiếp tục phiên tòa.

[3] Về nội dung:

Vào ngày 09/9/2010 ông H, bà L có vay của ông T, bà K 02 tấn cà phê nhân xô 15 độ, hạn đến ngày 20/12/2010 vợ chồng ông H và bà L phải trả cho vợ chồng ông T số cà phê trên. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ngày 03/01/2011 vợ chồng H đã trả cho vợ chồng ông T 20.000.000 đồng, tương đương với 500 kg cà phê nhân xô 15 độ. Ngày 25/01/2011 vợ chồng ông H trả cho vợ chồng ông T 40.000.000 đồng, tương đương với 1000 kg cà phê nhân xô 15 độ. Hiện nay vợ chồng ông H còn nợ vợ chồng ông T 500 kg cà phê nhân xô 15 độ. Mặc dù vợ chồng ông T đã yêu cầu vợ chồng ông H trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H phải trả cho vợ chồng ông T 500 kg cà phê nhân xô 15 độ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L xác định vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông T 2 tấn cà phê non. Tuy nhiên khi viết giấy vay vợ chồng bà đã viết nhầm

thành cà phê nhân xô 15 độ. Bà thừa nhận giấy mượn cà phê đề ngày 09/9/2010 là do ông H viết, chữ ký tại giấy mượn cà phê là chữ ký của bà và ông H. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng ông T 60.000.000 đồng, tương đương với 1.500 kg cà phê nhân xô 15 độ (giá cà phê tại thời điểm bà trả nợ cho ông T là 40.000.000 đồng/tấn). Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ vợ chồng ông T 500 kg cà phê nhưng là cà phê non. Bà không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn vì bà vay vợ chồng ông T là vay cà phê non, mặt khác vợ chồng ông T còn nợ bà số nợ tiền thịt là 20.000.000 đồng, số nợ này do mỗi lần mua thịt nguyên đơn mua nợ bà ghi sổ chứ không có chữ ký của nguyên đơn.

Nhận thấy việc bà L trình bày bà vay 2.000 kg cà phê non của vợ chồng ông T, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ. Mặt khác, quá trình thực hiện không đồng vay vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng ông T 1500 kg cà phê nhân xô 15 độ, mâu thuẫn với trình bày của bà. Vợ chồng ông T không thừa nhận việc bà cho rằng vợ chồng bà vay cà phê nguyên đơn là cà phê non. Do đó, trình bày của bà L không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra bà L cho rằng hiện nay ông T và bà K còn nợ bà 20.000.000 đồng tiền thịt, nên không chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn. Ông T và bà K thừa nhận có nợ của bị đơn khoảng 4.000.000 đồng tiền mua thịt và chấp nhận khấu trừ nợ vào một phần số nợ cà phê hiện bị đơn nợ ông T và bà K, nhưng bà L không chấp nhận. Nhận thấy, số nợ tiền thịt tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là giao dịch dân sự độc lập. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ đối với khoản nợ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Bà L có quyền khởi kiện đối với số nợ nói trên bằng một vụ án dân sự khác nếu bà có yêu cầu khởi kiện và có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Nhận thấy hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa ông T, bà K với bà L và ông H đề ngày 09/9/2010 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông T, bà K đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình, nhưng ông H và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ông T khởi kiện yêu ông H và bà L trả cho vợ chồng ông T số nợ 500 cà phê nhân xô 15 độ là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: $(500 \text{ kg cà phê nhân xô 15 độ} \times 40.800 \text{ đồng/kg}) \times 5\% = 1.020.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 9; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 471, Điều 473; Điều 474 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quang T. Buộc ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L phải trả cho ông Vũ Quang T và bà Nguyễn Thị K 500 kg cà phê nhân xô 15 độ.

Về án phí: Ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L phải chịu 1.020.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Vũ Quang T 1.250.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH, theo biên lai số: 0010578 ngày 28/7/2022.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THA.DS Huyện EH;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H’Leo;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

(đã ký)

Trần Thị Phượng

